

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH VINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 8 – 2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VINH – TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Hường**

Ông Đỗ Hữu Minh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân – gia đình sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/2021/TB-TA ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Y G, sinh năm 1985, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TG, xã KT, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Bà Niê H C, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TG, xã KT, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021, bản tự khai ngày 05/4/2021 nguyên đơn ông Y G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Niê H C kết hôn năm 2006 đến năm 2008 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã KT. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn TG, xã KT, huyện K và có 03 con chung Niê H M, sinh ngày 26/4/2006, Niê H H, sinh ngày 30/8/2009 và Niê H D, sinh ngày 08/12/2015. Quá trình sống chung giữa hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về mọi mặt. Từ những mâu thuẫn vợ chồng bà C bỏ về sống cùng bố mẹ, ông đã nhiều lần tới khuyên bảo bà trở về vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con nhưng bà C không đồng ý. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Niê H C. Về con chung: Sau khi ly hôn ông Y G yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung ông G khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Niê H C: Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập, xác minh và niêm yết hợp lệ để lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà C cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y G nên Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định. Đối với bị đơn bà Niê H C đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà cố tình trốn tránh không có mặt tại phiên tòa nhằm bảo vệ quyền lợi cho mình do đó tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà C là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao các con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Y G khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Y G vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Niê H C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết tại địa phương và nơi cư trú, do đó Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Y G và bà Niê H C kết hôn năm 2006, đến năm 2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã KT và đã được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2008, ngày 28/3/2008. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà C là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa ông G và bà C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tranh cãi, bà C bỏ về sống cùng bố mẹ. Mặc dù ông G đã nhiều lần tìm cách hòa giải, khuyên bà C trở về để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái nhưng bà C vẫn không đồng ý nên vợ chồng vẫn sống ly thân. Theo kết quả xác minh tại địa phương ông bà đang sinh sống cho thấy quá trình sống chung ông G và bà C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hiện tại ông G và bà C không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, việc chăm sóc, quan tâm lẫn nhau không còn, do đó mâu thuẫn giữa ông G và bà C đã đến mức trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy có duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Y G đối với bà Niê H C.

[3] *Về con chung*: Ông Y G và bà Niê H C có 03 con chung Niê H M, sinh ngày 26/4/2006, Niê H H, sinh ngày 30/8/2009 và Niê H D, sinh ngày 08/12/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Y G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Ông G không yêu cầu bà Niê H C cấp dưỡng nuôi con. Kể từ thời điểm ông Y G và bà Niê H C không còn sống chung, các cháu H M, H H, H D đang do ông G trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển tốt cả về tinh thần lẫn thể chất. Nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con và thực tế đang trực tiếp nuôi con chung, các cháu H M, H H có nguyện vọng xin được ở với bố là ông Y G. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các cháu Niê H M, sinh ngày 26/4/2006, Niê H H, sinh ngày 30/8/2009 và Niê H D, sinh ngày 08/12/2015 cho ông Y G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Trong quá trình nuôi con nếu gặp

khó khăn ông G có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Y G khai không có nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Ông Y G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho ông Y G được ly hôn với bà Niê H C.

2. *Về con chung*: Giao 03 con chung Niê H M, sinh ngày 26/4/2006, Niê H H, sinh ngày 30/8/2009 và Niê H D, sinh ngày 08/12/2015 cho ông Y G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Y G không yêu cầu bà Niê H C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn vì quyền lợi của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Y G khai không có nên HĐXX không xét.

4. *Về án phí*: Ông Y G phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tại biên lai số AA/2016/0004984 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khánh Vĩnh. Như vậy ông Y G đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Ông Y G, bà Niê H C có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- Chi cục THADS huyện Khánh Vĩnh;
- UBND xã Khánh Thượng (Giấy CNKH số 20, quyển số 01 ngày 28/3/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hiền